

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

<Đính kèm 2> Mâu đơn khiếu nại (tố cáo) vi phạm Luật Quan hệ lao động

고소(고발)장
ĐƠN KHIẾU NẠI (TỐ CÁO)

(앞쪽)

(Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	처리기간 2월 (사건에 따라 연장가능) Thời gian xử lý 2 tháng (có thể gia hạn tùy trường hợp)
----------------------	-----------------------	---

고소(고발)인 (근로자) Người khiếu nại (tổ cáo) (người lao động)	성명 Họ tên	외 (명) cùng (người)	주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn
	전화번호 Số điện thoại		휴대전화번호 Số di động
	주소 Địa chỉ		
	근무기간 : . . . ~ . . . Thời gian làm việc : . . . ~ . . .		재직여부 : 재직[], 퇴직[] Có đang làm việc hay không : Đang làm [], Nghỉ việc []
	① 대리인에 의한 고소 · 고발 ① Khiếu nại, tổ cáo của người đại diện 성명: , 연락처: Họ tên: , Số liên lạc:		

② 피고소(고발) 인(사용자)	성명 Họ tên	주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn
	전화번호 Số điện thoại	휴대전화번호 Số di động
② Người bị khiếu nại (tổ cáo) (người sử dụng lao động)	주소	
	Địa chỉ	

사업장 개요 Tổng quan về doanh nghiệp	사업장명 Tên địa điểm kinh doanh	사업의 종류 Loại hình kinh doanh
	대표자 성명 Họ tên người đại diện	가동여부 : 가동[], 휴 · 폐업[] Trạng thái hoạt động: Hoạt động [], Đóng cửa []
	연락처 Số điện thoại	상시근로자수 : ()명 Số người lao động thường trực: () người
	사업장 소재지 Địa chỉ địa điểm kinh doanh	
	③ 근무지(소재지와 다른 경우 작성)	
	③ Nơi làm việc (nếu khác với địa chỉ)	

고소 · 고발 내용 Nội dung khiếu nại, tố cáo	(고소 · 고발 내용을 자세하게 작성하여 주시기 바라며, 별지 작성이 가능합니다.) (Vui lòng điền chi tiết nội dung khiếu nại, tố cáo. Có thể điền vào trang riêng.)
--	---

「근로기준법」 제104조 및 「근로감독관 집무규정」 제33조에 따라 고소하오니 처벌하여 주시기 바랍니다.
Tôi xin nộp đơn khiếu nại theo Điều 104 của “Luật Tiêu chuẩn lao động” và Điều 33 của “Quy định Nhiệm vụ của thanh tra lao động”. Xin vui lòng tiến hành xử phạt.

	년 월 일 Năm tháng ngày
고소 · 고발인(대표) Người khiếu nại, tố cáo	(서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)
고소 · 고발 대리인 Người đại diện khiếu nại, tố cáo	(서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)

() 지방고용노동청(지청) 장 귀하
Kính gửi Giám đốc Sở (văn phòng chi nhánh) Việc làm và Lao động khu vực ()

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	1. 고소(고발) 내용을 확인할 수 있는 증빙자료 (자료가 있는 경우에 한함) 1. Tài liệu chứng minh có thể xác nhận nội dung khiếu nại (tố cáo) (giới hạn trong trường hợp có tài liệu) 2. 고소(고발)인이 여러 명인 경우 고소· 고발인 연명부 작성 2. Trường hợp có nhiều người khiếu nại (tố cáo), lập danh sách chung người khiếu nại, tố cáo 3. 대리에 의한 고소(고발)장 제출 시, 위임장 등 대리인임을 확인할 수 있는 자료 3. Khi người đại diện nộp đơn khiếu nại (tố cáo), các tài liệu xác nhận người đại diện như giấy ủy quyền,...	수수료 없음 Không mất phí
------------------------	---	-------------------------

210mm×297mm[일반용지 60g/ m² (재활용품)]

(뒤쪽)
(Mặt sau)

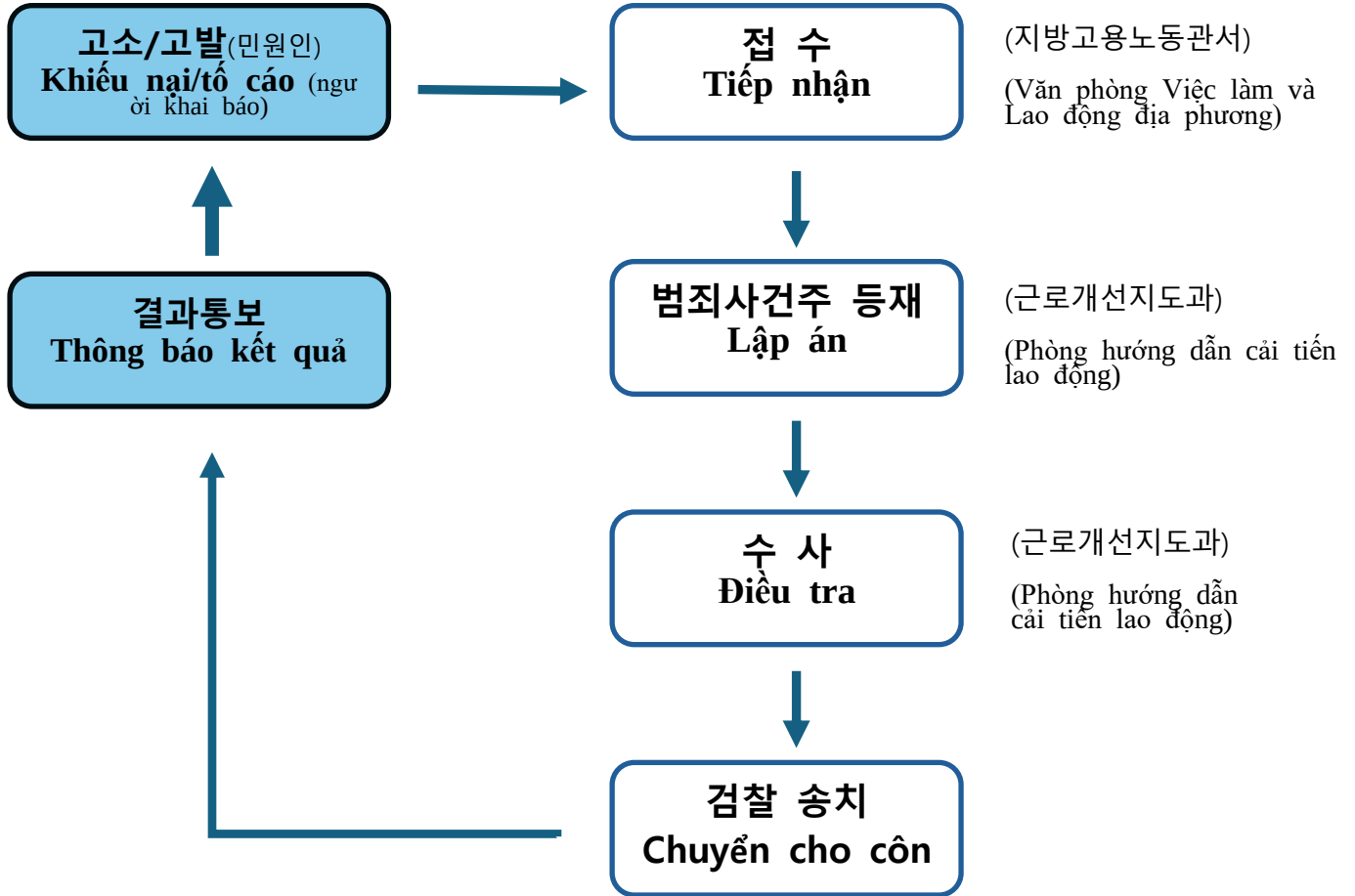
작 성 방 법
Cách điền đơn

- ①란에는 대리인에 의한 고소(고발)장 제출 시, 대리인의 인적사항을 적습니다.
Mục ① điền thông tin cá nhân của người đại diện khi người đại diện nộp khiếu nại, tố cáo.
- ②란에는 피고소(고발)인 인적사항 등에 대해 알고 있는 내용에 한해서 최대한 구체적으로 작성하시기 바랍니다.
Mục ② điền cụ thể nhất những gì biết về thông tin cá nhân của người bị khiếu nại (tố cáo).
- ③란에는 사업장 소재지와 근무지가 다른 경우 근무지의 소재지를 적습니다.
Mục ③ điền địa điểm nơi làm việc nếu địa chỉ nơi làm việc của khác với nơi làm việc.
- ※ 피고소(고발)인이 여러 명일 경우 피고소(고발)인별로 고소(고발)장을 작성 · 제출하시기 바랍니다.
 - ※ Nếu có nhiều người bị khiếu nại (tố cáo), điền và nộp đơn khiếu nại (tố cáo) riêng cho từng người bị khiếu nại (tố cáo).
 - ※ 주민등록번호 등 개인정보 수집근거 : 근로기준법 제104조제1항 및 근로기준법 시행령 제59조의2제8호
 - ※ Cơ sở thu thập thông tin cá nhân như số chứng minh thư Hàn : Khoản 1 Điều 104 Luật Tiêu chuẩn lao động và điểm 8 Điều 59-2 Nghị định hướng dẫn Luật Tiêu chuẩn lao động

처 리 절 차
Quy trình xử lý

※ 이 고소(고발)장은 아래와 같이 처리됩니다.

※ Đơn khai báo này được xử lý như sau.



고소(고발)인 연명부

Danh sách người khiếu nại (tổ cáo)

■ 고소(고발) 당사자

■ Đương sự khiếu nại (tổ cáo)

[illegible]

고소(고발)인 ()을(를) 대표로 선정하는 것에 동의하고, 근로감독관의 사건 조사 시 고소(고발)인 진술 및 증거자료 제출, 취하 등 고소건에 대한 권한 일체를 위임합니다.
Tôi đồng ý chọn người khiếu nại (tố cáo) () làm đại diện và ủy quyền mọi quyền hạn để giải quyết vụ việc khi thanh tra lao động điều tra vụ việc, bao gồm việc nộp lời khai của người khiếu nại, bằng chứng và rút đơn.

2023 . . .

○○지방고용노동청(지청)장 귀하

Kính gửi Giám đốc Sở (văn phòng chi nhánh) Việc làm và Lao động khu vực ○○